

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Hacisco

Ngày
28/06/2024

9,850 VNĐ

Thay đổi

1 tháng

3 tháng

6 tháng

-7.5%

33.3%

42.1%

DT thuần
Q2/24

34.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.3 | 115%

YoY: ▲ 24.6 | 255%

LN thuần
Q2/24

-2.12

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.38 | 15.3%

YoY: ▲ 0.61 | 22.5%

LN sau thuế
Q2/24

-3.29

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.77 | -30.7%

YoY: ▼ 0.51 | -18.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24

-9.5%

YoY: +/- ▲ 6.2%

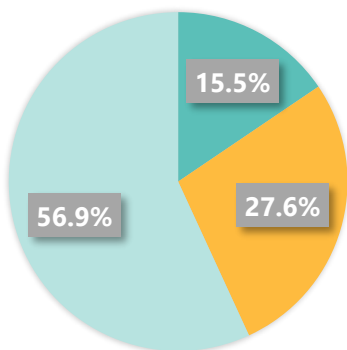
ROE (TTM)
Q2/24

-1.8%

YoY: +/- ▼ 0.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,058 - 10,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
Số lượng CPLH (CP)	7,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,950
Sở hữu nước ngoài	15.5%
Beta	0.56
EPS	-308
P/E	-32.0

Cơ cấu sở hữu



■ Sở hữu nước ngoài
■ Sở hữu nhà nước
■ Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

DT thuần
6T 2024

50.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 30.2 | 151%

LN thuần
6T 2024

-4.62

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 1.51 | -48.5%

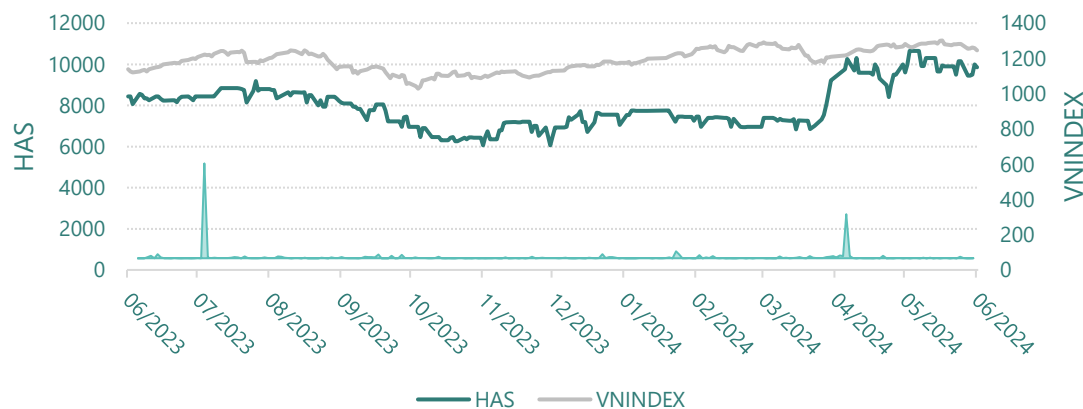
LN sau thuế
6T 2024

-5.82

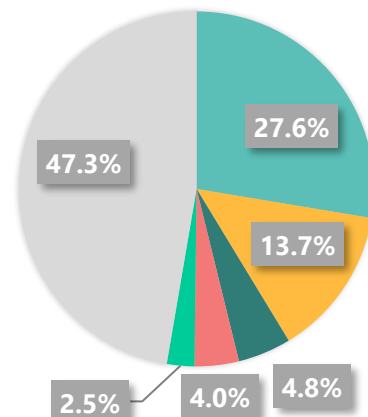
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 2.72 | -87.7%

Lịch sử giá



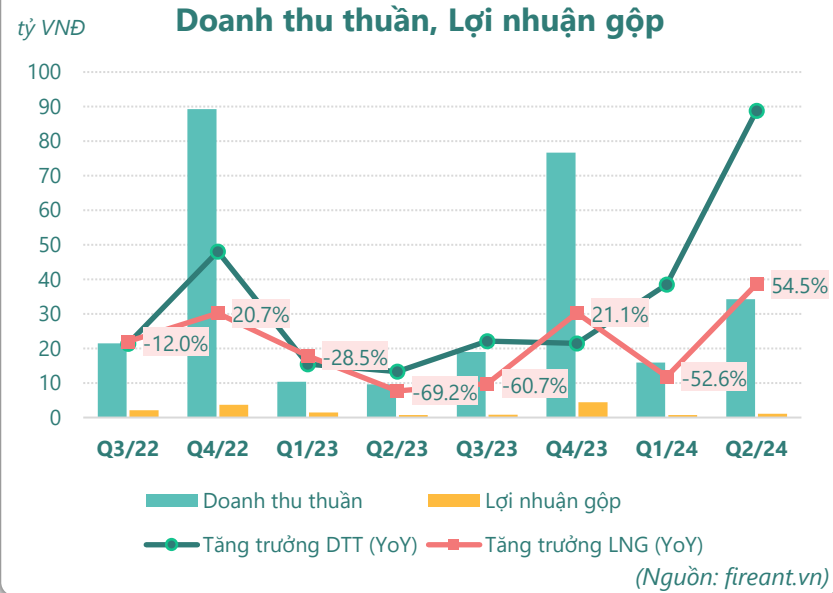
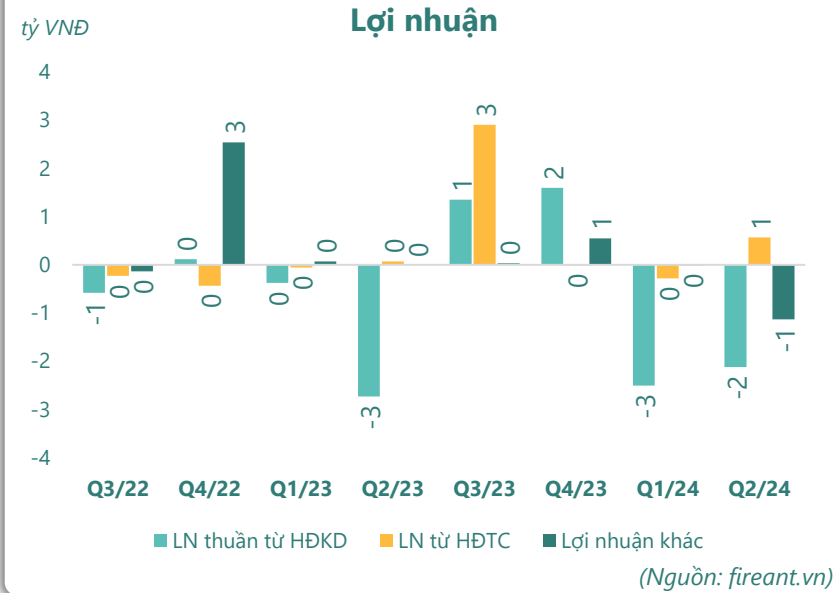
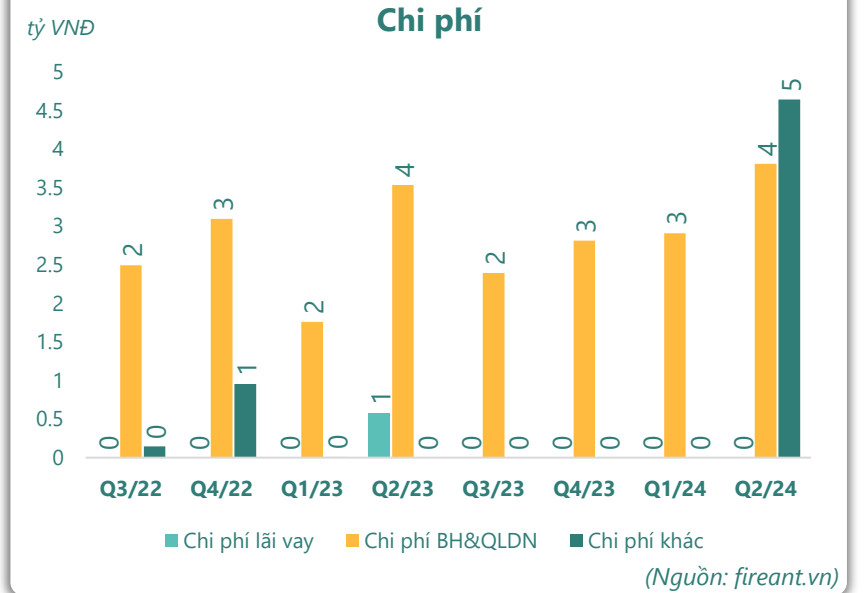
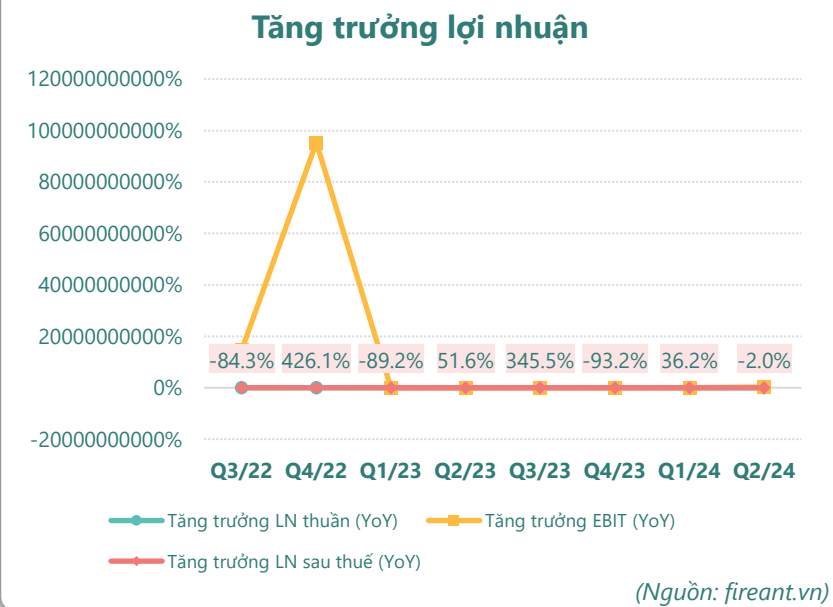
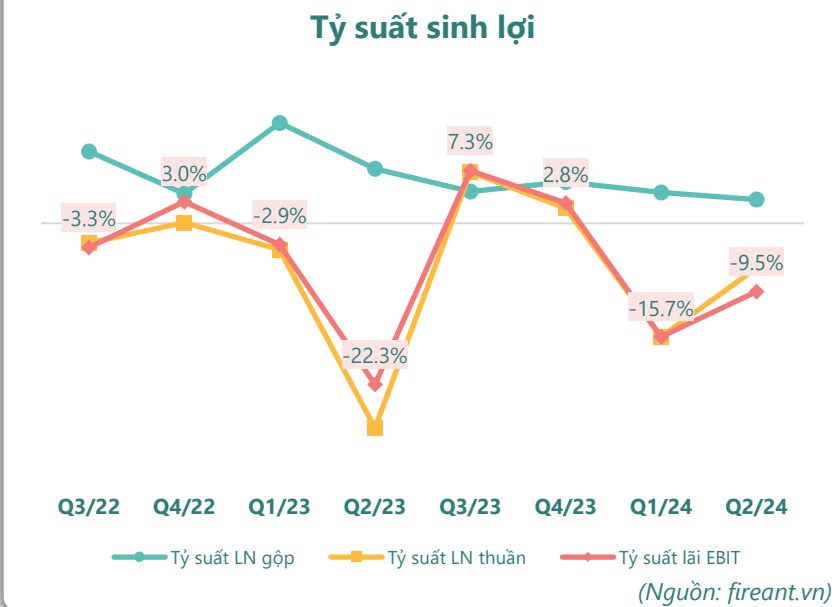
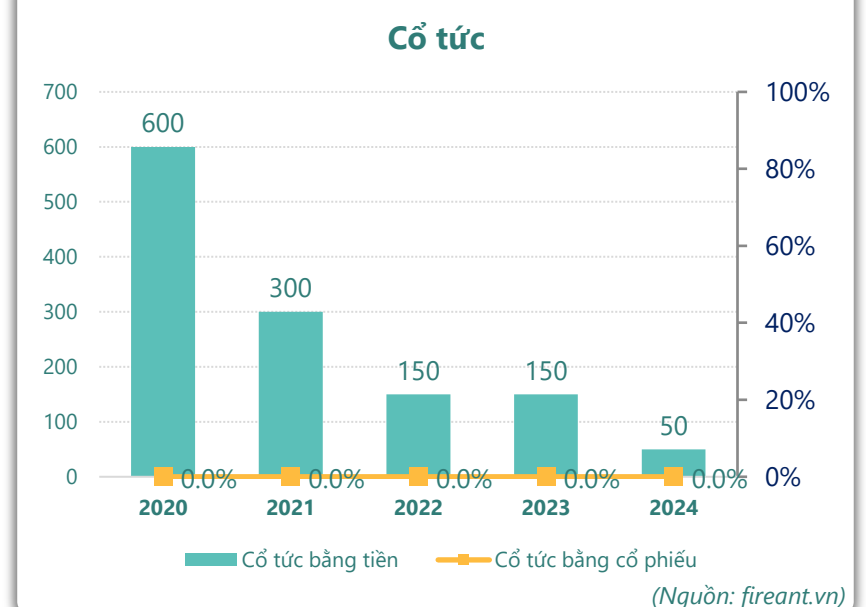
Cơ cấu cổ đông



■ Tập Đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam
■ Phạm Thị Hạnh
■ Đoàn Ngọc Cường
■ Nguyễn Hoài Nam (Chủ tịch HĐQT)
■ CTCP Hacisco
■ Khác

(Nguồn: fireant.vn)

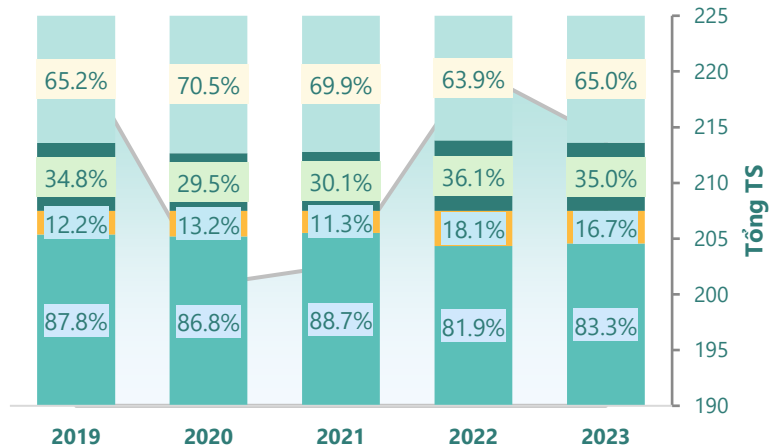
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

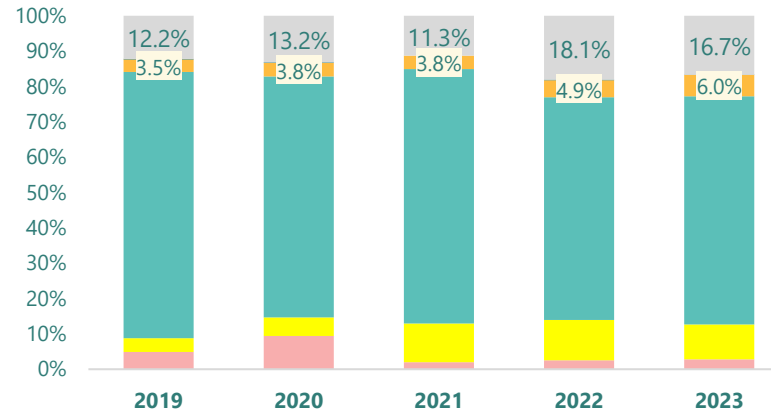
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

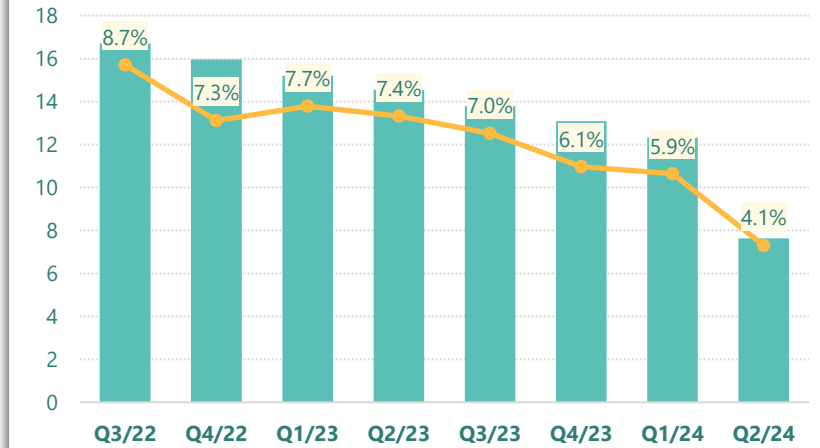


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

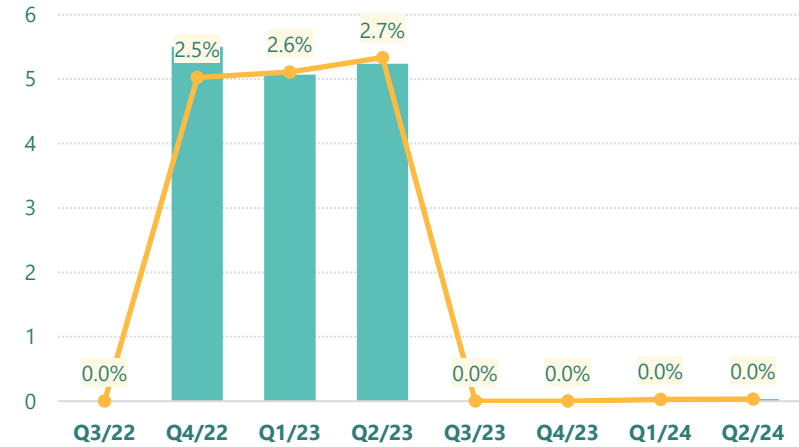


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

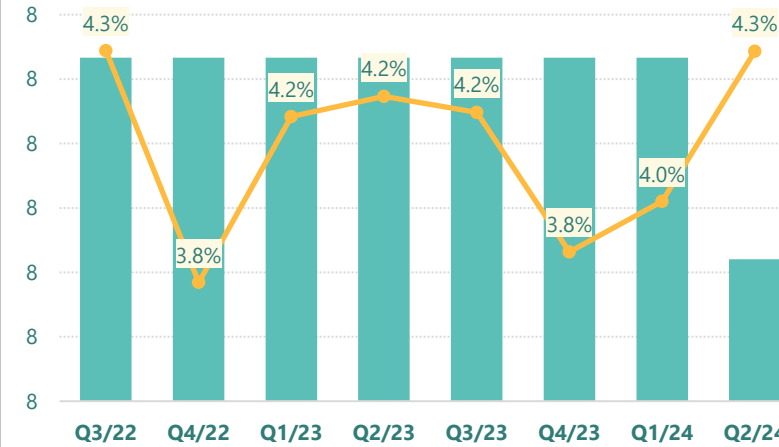


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

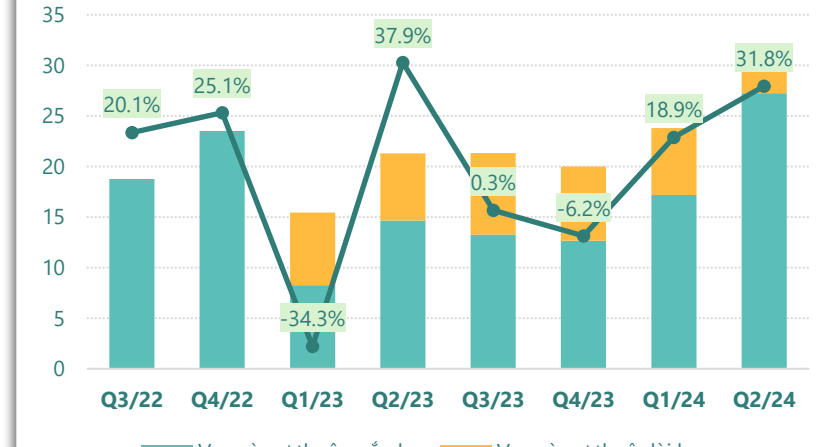


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

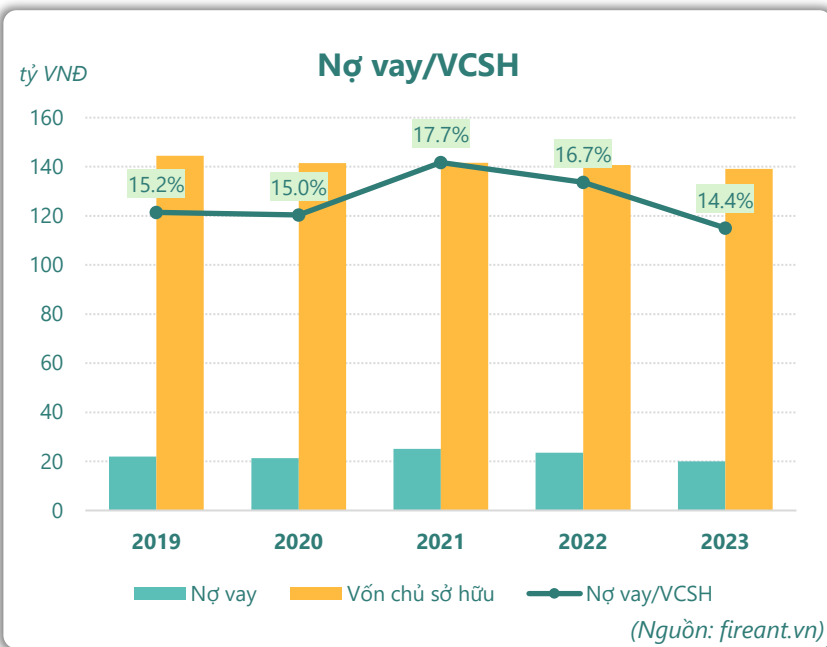
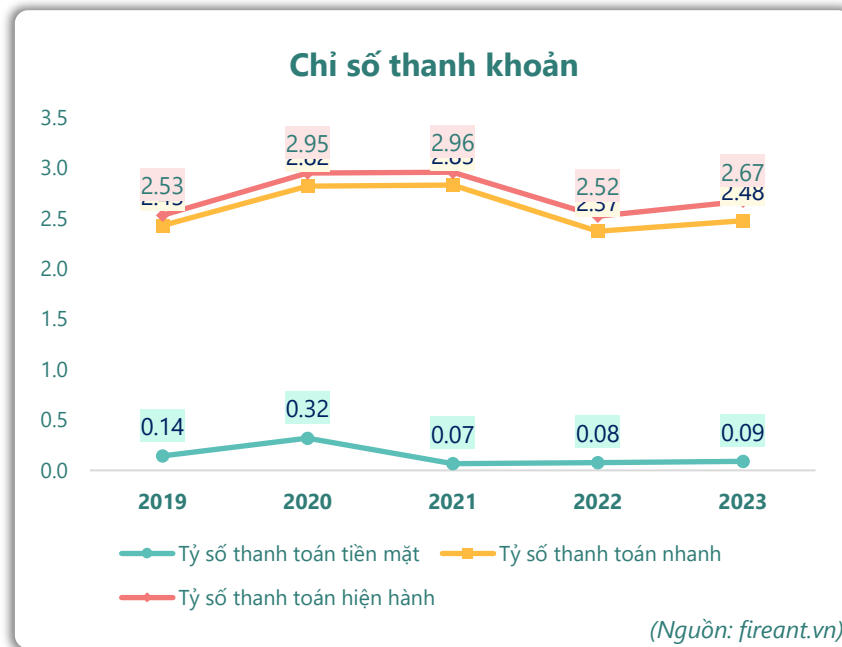
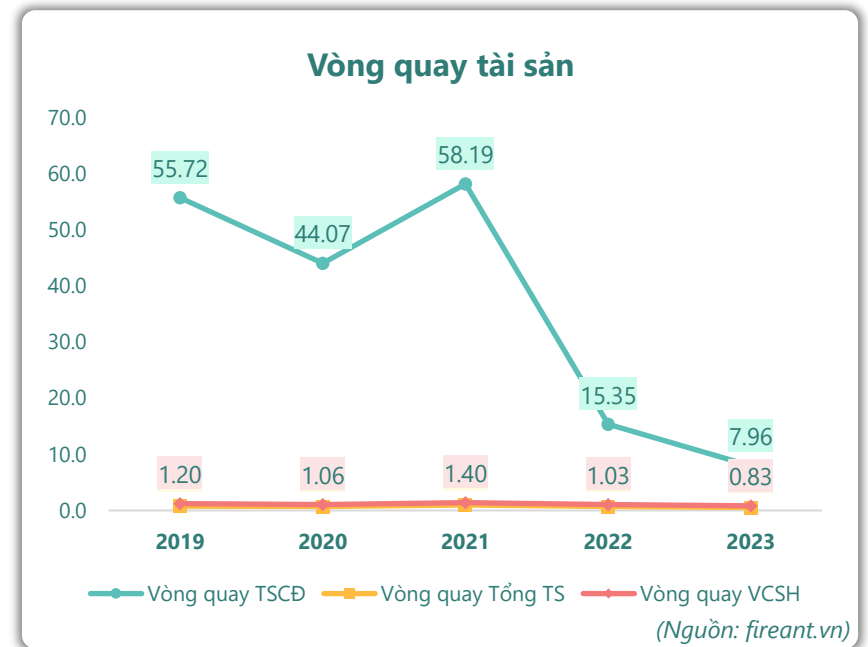
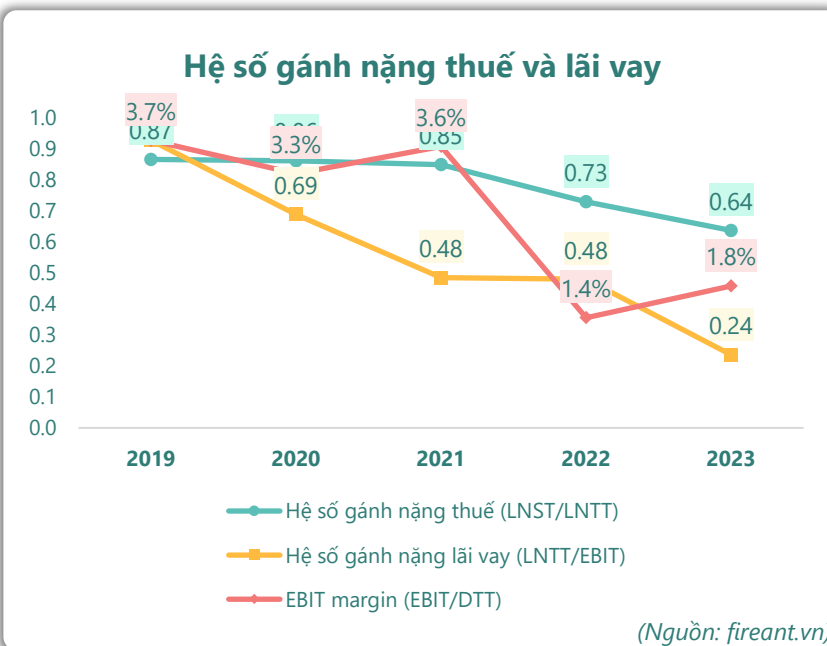
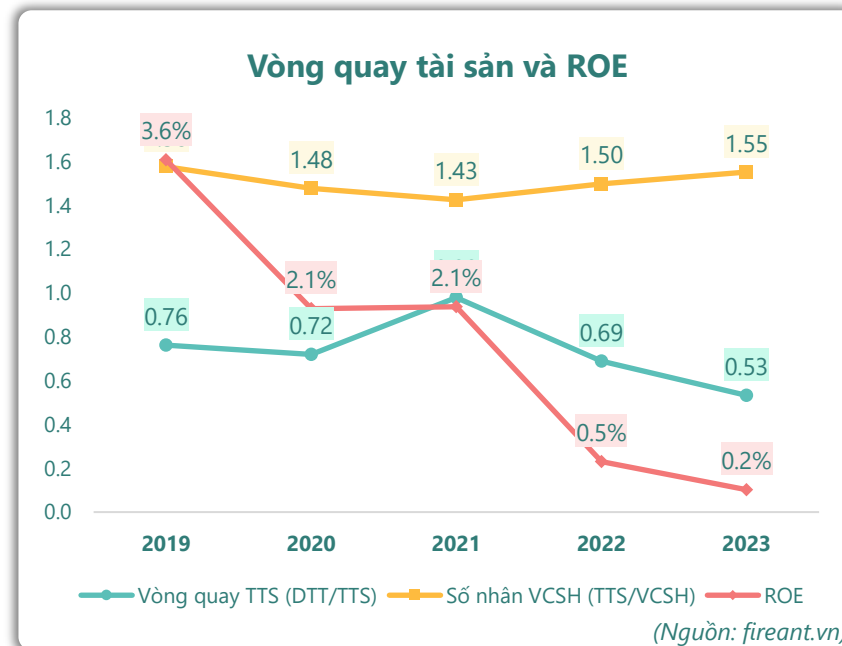
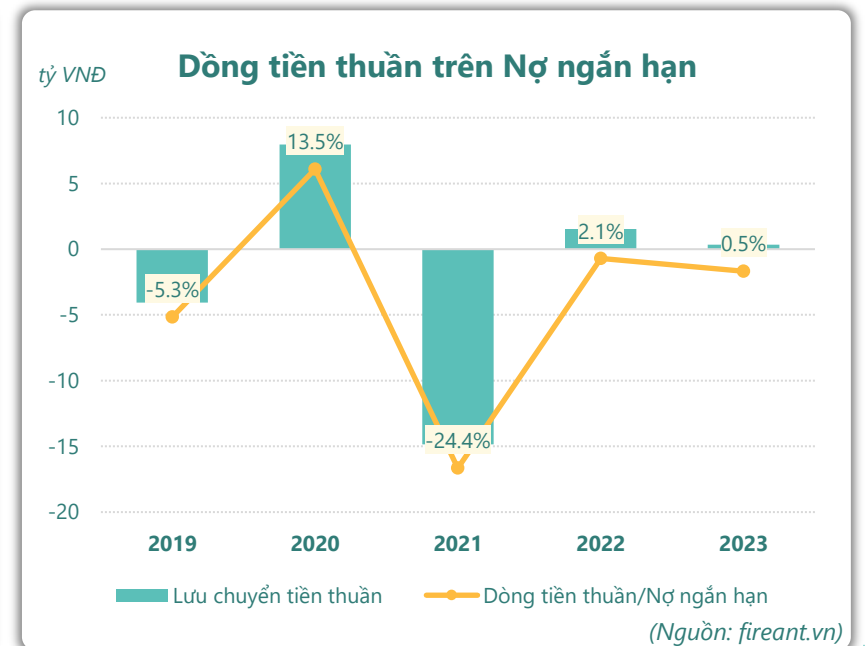


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	34.2	9.63	255%	50.2	20.0	151%
Giá vốn hàng bán	33.1	8.91	272%	48.4	17.8	171%
Lợi nhuận gộp	1.13	0.73	54.2%	1.81	2.17	-16.6%
Doanh thu HĐTC	1.26	0.31	307%	1.32	0.45	194%
Chi phí TC	0.69	0.23	202%	1.04	0.43	138%
Chi phí lãi vay	0	0.58	-100%	0	0.58	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	3.81	3.54	7.6%	6.72	5.30	26.8%
LN thuần từ HĐKD	-2.12	-2.73	22.5%	-4.62	-3.11	-48.5%
Lợi nhuận khác	-1.13	0.00		-1.13	0.07	-1666%
LN trước thuế	-3.25	-2.73	-18.9%	-5.75	-3.04	-89.4%
Lợi nhuận sau thuế	-3.29	-2.78	-18.5%	-5.82	-3.10	-87.7%
LNST của CĐ cty mẹ	-3.29	-2.78	-18.5%	-5.82	-3.10	-87.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.08	-7.18	0.67	3.67	-12.6	-9.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.33	0.94	3.48	-8.99	11.1	3.92
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.06	4.72	0.02	-1.33	3.78	7.20
Tiền đầu kỳ	5.57	9.92	8.39	12.6	5.91	8.20
Lưu chuyển tiền thuần	4.35	-1.53	4.17	-6.65	2.29	2.00
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.92	8.39	12.6	5.91	8.20	10.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	188	214	-12.1%
Tài sản ngắn hạn	159	178	-11.0%
Tiền và tương đương tiền	10.2	5.91	72.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.7	21.2	-49.7%
Phải thu ngắn hạn	119	138	-14.0%
Hàng tồn kho	18.0	12.8	40.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.90	0.02	3544%
Tài sản dài hạn	29.4	35.8	-17.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.63	13.1	-41.7%
Bất động sản đầu tư	13.4	14.0	-4.3%
Tài sản dở dang	0.03	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	8.11	8.27	-1.9%
Tài sản dài hạn khác	0.21	0.42	-50.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	55.4	74.8	-26.0%
Nợ ngắn hạn	51.1	66.7	-23.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.3	12.7	115%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.20	19.8	-78.8%
Nợ dài hạn	4.26	8.10	-47.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.10	7.34	-44.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	133	139	-4.7%
Vốn chủ sở hữu	133	139	-4.7%
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

